

Bản án số: 20/2022/KDTM-ST

Ngày: 15-06-2022

*V/v: Tranh chấp phát sinh từ hợp  
đồng kinh tế*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Diệp Linh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Trỗi

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 06 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 66/2021/TLST-KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2021 về *Tranh chấp phát sinh từ hợp đồng kinh tế*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 04 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn: Công ty cổ phần T.** Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà số 45 đường N, phường L, quận B, Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Tầng 23, Tòa nhà A, ngõ 622 phố M, phường V, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tuấn H - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Mai L, sinh năm 1995. Có mặt.

**\* Bị đơn: Công ty cổ phần V.** Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường D, quận H, Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Tòa tháp D, số 1 đường T, phường M, quận H, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc K

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hồng S, sinh năm 1981 - Chức vụ: Phó Giám đốc công ty. Có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn trình bày:***

Ngày 27/5/2017 Công ty Cổ phần T - nay được đổi tên là Công ty Cổ phần T (gọi tắt là công ty T) đã ký kết với Công ty Cổ phần V (gọi tắt là công ty V) hợp đồng số 366/2017/HĐKT về việc cung cấp thi công lắp đặt và bảo trì thang máy liên quan đến hạng mục “Cung cấp, lắp đặt và bảo trì hệ thống thang máy” của dự án “Tòa nhà hỗn hợp tháp doanh nhân” địa điểm số 1 đường Thanh Bình, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm 10% VAT): 18.832.000.000 đồng (bằng chữ: Mười tám tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn./.)

Ngày 01.12.2019, công ty T đã lắp đặt và bàn giao xong hệ thống thang máy cho công ty Việt Sing, thời hạn bảo hành 24 tháng.

Tổng công nợ gốc Công ty Cổ phần V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần T theo hồ sơ quyết toán và biên bản thanh lý hợp đồng số 01/TLHĐ/HĐXD ngày 10.12.2020 số tiền là: 1.736.400.000 đồng.

Tiền lãi chậm thanh toán trên nợ gốc từ ngày 01/01/2021 đến ngày 20/05/2021 là: 69.931.726 đồng. Với số tiền nợ trên, công ty T tiếp tục gửi rất nhiều văn bản đề nghị Công ty Cổ phần V thanh toán dứt điểm nhưng phía bị đơn vẫn tiếp tục trì hoãn việc trả nợ. Việc chậm trễ trả nợ của Công ty Cổ phần V đã gây ra nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh của công ty T đặc biệt là khó khăn về nguồn vốn tái đầu tư.

Vì vậy, công ty T nộp đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như trong đơn khởi kiện đã nêu:

- Buộc Công ty Cổ phần V phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc còn lại là: **1.736.400.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng).**

Công ty Cổ phần V phải chịu lãi chậm trả đối với nợ gốc tạm tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 20/05/2021 tạm tính là: 69.931.726 đồng với mức lãi suất quá hạn được tính là tại ngân hàng BIDV (nơi nguyên đơn mở tài khoản) theo thỏa thuận các bên tại Điều 13.2.1.1 của Hợp đồng số 366/2017/HĐKT ngày 27.05.2017 và tiếp tục phải chịu phần lãi cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc.

**\* Đại diện của công ty cổ phần V trình bày:** Công ty Cổ phần V do điều kiện kinh doanh gặp nhiều khó khăn, cùng với ảnh hưởng của dịch bệnh Covid. Bị đơn xác nhận có kí hợp đồng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, thực tế hai bên chưa kí biên bản xác nhận công nợ. Khi Công ty Cổ phần T trên tinh thần hỗ trợ hợp tác rút đơn thì hai bên cùng thống nhất, thỏa thuận tiến độ thanh toán và chúng tôi đề nghị nguyên đơn cho miễn giảm toàn bộ khoản tiền lãi và đưa ra phương án trả nợ cụ thể: tạm thanh toán ngay số tiền: 100.000.000 đồng trước ngày 28/01/2022. Sau khi thanh toán số tiền trên hai bên sẽ thống nhất, thỏa thuận các đợt thanh toán tiếp theo. Toàn bộ văn bản tố tụng đề nghị gửi cho công ty chúng tôi về địa chỉ: Công ty cổ phần V. Địa chỉ: Tòa tháp d, Số 1 đường T, phường M, quận H, Hà Nội.

**Tại phiên toà hôm nay:** Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: bên phía công ty V có mời công ty T sang làm việc và thỏa thuận về việc trả tiền nhưng công ty T không đồng ý. Đề nghị phía công ty V trả toàn bộ tiền gốc và lãi cụ thể như sau:

- Tiền gốc chưa trả: 1.736.400.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng).

- Tiền lãi tính theo giai đoạn và theo mức lãi suất quá hạn được tính theo lãi suất của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - BIDV (nơi nguyên đơn mở tài khoản) theo thỏa thuận các bên tại Điều 13.2.1.1 của Hợp đồng số 366/2017/HĐKT ngày 27.05.2017. Mức lãi suất của ngân hàng BIDV theo Hợp đồng tín dụng giữa BIDV và nguyên đơn ngày 30.11.2021 là 6,5%, quá hạn 150% = 9,75%. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ tính lãi là 9%/năm. Cụ thể:

- + Giai đoạn 1: Tiền lãi tính trên số tiền gốc 794.800.000 đồng (trừ 5% phí bảo hành) từ ngày 01.01.2021 đến ngày 20.04.2021 (ngày nghiệm thu là ngày 01.12.2019) là: 21.557.589 đồng.

Lý do nguyên đơn tính tiền lãi đến ngày 20.04.2021 vì ngày 01.04.2021, phía nguyên đơn phát hành Thư Bảo lãnh bảo hành, theo điều 6 của hợp đồng thì sau 15 ngày bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ khoản tiền 5% còn lại.

- + Giai đoạn 2: tiền lãi tính trên số tiền 1.736.400.000 đồng từ ngày 21.04.2021 đến ngày 15.06.2022 là: 180.252.592 đồng.

Tổng số tiền lãi là: 201.810.181 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn làm tròn chỉ tính 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền lãi.

Tổng số tiền phía bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 1.736.400.000 đồng + 200.000.000 đồng = 1.936.400.000 đồng (một tỉ chín trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Đồng thời buộc bị đơn tiếp tục phải chịu phần lãi cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc cho nguyên đơn.

***Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa trình bày:*** Bị đơn xác nhận quá trình kí hợp đồng, thanh toán và số tiền nợ gốc còn nợ như nguyên đơn trình bày là 1.736.400.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm ngàn đồng). Đối với cách tính lãi và số tiền lãi như nguyên đơn trình bày, bị đơn không có ý kiến và xin miễn toàn bộ lãi.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đưa ra phương án hòa giải: Bị đơn đề nghị xin được miễn toàn bộ lãi. Lộ trình trả nợ gốc như sau: Bị đơn sẽ thanh toán mỗi quý 200.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc cho nguyên đơn.

Bị đơn rất có thiện chí thanh toán cho nguyên đơn và đã thanh toán hơn 90% giá trị hợp đồng, nhưng do tình hình dịch bệnh Covid diễn ra trong thời gian qua nên bị đơn chưa có khả năng thanh toán tiếp cho nguyên đơn. Bị đơn cũng muốn trình bày về việc nguyên đơn không tiến hành bảo hành thang máy cho bị đơn sau khi bàn giao. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn không có tài liệu nào xuất trình cho Hội đồng xét xử. Việc bảo hành và công nợ giữa bị đơn đối với công ty T là hai vấn đề không liên quan đến nhau, vì vậy bị đơn chỉ trình bày và không có ý kiến nào khác.

\* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến: Đối với phương án hòa giải của bị đơn đưa ra, nguyên đơn không đồng ý vì khoản nợ này đã quá hạn thanh toán đã lâu. Vấn đề bảo hành thang máy, mặc dù bị đơn chỉ nêu và không có ý kiến nhưng nguyên đơn xin xuất trình toàn bộ các biên bản về việc nguyên đơn đã tiến hành bảo hành bảo trì trong thời gian bảo hành kể từ ngày bàn giao thang máy cho bị đơn.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Đề nghị:** Về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chỉ tính tiền lãi 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Buộc Công ty cổ phần V phải trả cho Công ty cổ phần T số tiền là: 1.736.400.000 đồng + 200.000.000 đồng = 1.936.400.000 đồng (một tỉ, chín trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng). Đồng thời buộc bị đơn tiếp tục phải chịu phần lãi cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc cho nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

\* *Về quan hệ pháp luật:* Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần V đã xác lập giao dịch dân sự thông qua việc ký kết Hợp đồng số 366/2017/HĐKT ngày 27.05.2017 về việc cung cấp thi công lắp đặt và bảo trì thang máy liên quan đến hạng mục “Cung cấp, lắp đặt và bảo trì hệ thống thang máy” của dự án “Tòa nhà hỗn hợp tháp doanh nhân” địa điểm số 1 đường Thanh Bình, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### \* *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện:*

Tranh chấp trong vụ án tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng số 366/2017/HĐKT ngày 27.05.2017 về việc cung cấp thi công lắp đặt và bảo trì thang máy liên quan đến hạng mục “Cung cấp, lắp đặt và bảo trì hệ thống thang máy”. Bị đơn là Công ty cổ phần V có địa chỉ tại Tổ dân phố Kiên Quyết, phường Dương Nội, quận Hà Đông, Hà Nội. Vì vậy, tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp tòa án và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần V vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ đối với Hợp đồng hai bên kí kết, đã thực hiện xong. Vì vậy, xác định vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

\* *Về thủ tục tố tụng khác*: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có đề nghị gì về việc đưa thêm người vào tham gia tố tụng khi Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không xét.

**[2] Về nội dung vụ án:**

\* *Về hiệu lực của hợp đồng*: Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần V đã xác lập giao dịch dân sự thông qua việc kí Hợp đồng số 366/2017/HĐKT ngày 27.05.2017 về việc cung cấp thi công lắp đặt và bảo trì thang máy liên quan đến hạng mục “Cung cấp, lắp đặt và bảo trì hệ thống thang máy”. Việc kí kết hợp đồng kinh tế, thực hiện và hoàn tất hồ sơ quyết toán giữa hai bên phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

\* *Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn*:

Sau khi kí kết Hợp đồng số 366/2017/HĐKT ngày 27.05.2017 về việc cung cấp thi công lắp đặt và bảo trì thang máy liên quan đến hạng mục “Cung cấp, lắp đặt và bảo trì hệ thống thang máy”, giá trị hợp đồng là 18.832.000.000 đồng, Công ty cổ phần T đã thực hiện và hoàn thành các hạng mục trong nội dung hợp đồng.

Ngày 01.12.2019, công ty T đã lắp đặt và bàn giao xong hệ thống thang máy cho công ty Việt Sing, thời hạn bảo hành 24 tháng.

Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần V đã kí hồ sơ quyết toán và biên bản thanh lý hợp đồng số 01/TLHĐ/HĐXD ngày 10.12.2020, số tiền Công ty cổ phần V còn phải thanh toán cho Công ty cổ phần T là: 1.736.400.000 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng). Bị đơn là công ty Việt Sing xác nhận khoản nợ trên và không ý kiến nào khác.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn buộc Công ty cổ phần V phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là 1.736.400.000 đồng (một tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng) theo Hợp đồng số 366/2017/HĐKT ngày 27.05.2017 là có căn cứ nên được chấp nhận.

\* *Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn*: Nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần V phải trả số tiền nợ lãi từ ngày 01.01.2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15.06.2022 là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Cụ thể:

- Tiền lãi tính theo giai đoạn và theo mức lãi suất quá hạn được tính theo lãi suất của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - BIDV (nơi nguyên đơn mở tài khoản) theo thỏa thuận các bên tại Điều 13.2.1.1 của Hợp đồng số 366/2017/HĐKT ngày 27.05.2017. Mức lãi suất của ngân hàng BIDV theo Hợp đồng tín dụng giữa BIDV và nguyên đơn ngày 30.11.2021 là 6,5%, quá hạn  $150\% = 9,75\%$ . Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ tính lãi là 9%/năm. Cụ thể:

+ Giai đoạn 1: Tiền lãi tính trên số tiền gốc 794.800.000 đồng (trừ 5% phí bảo hành) từ ngày 01.01.2021 đến ngày 20.04.2021 (ngày nghiệm thu là ngày 01.12.2019) là: 21.557.589 đồng.

Lý do nguyên đơn tính tiền lãi đến ngày 20.04.2021 vì ngày 01.04.2021, phía nguyên đơn phát hành Thư Bảo lãnh bảo hành, theo điều 6 của hợp đồng thì sau 15 ngày bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ khoản tiền 5% còn lại.

+ Giai đoạn 2: tiền lãi tính trên số tiền 1.736.400.000 đồng từ ngày 21.04.2021 đến ngày 15.06.2022 là: 180.252.592 đồng.

Tổng số tiền lãi là: 201.810.181 đồng Tuy nhiên nguyên đơn làm tròn chỉ tính 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền lãi.

Tại Điều 13.2.1.1 Hợp đồng kinh tế số 366/2017/HĐKT ngày 27.05.2017 có nêu: *Nếu bên A (Công ty cổ phần V) chậm thanh toán thì phải thanh toán cho bên B theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng thì phải bồi thường cho bên B theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại mà bên B mở tài khoản kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên A đã thanh toán đầy đủ cho bên B.* Theo cung cấp mức lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm giải quyết vụ án của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và đối chiếu mức lãi suất do nguyên đơn áp dụng 9%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng và có lợi cho bị đơn, cũng đúng theo thỏa thuận giữa hai bên nên được chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn số tiền lãi là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) - thấp hơn số tiền lãi thực tính. Do vậy, buộc Công ty cổ phần V phải thanh toán số tiền lãi là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) từ ngày chậm trả là ngày 01.01.2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (15.06.2022) và tiếp tục tính lãi cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ gốc cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Tổng số tiền Công ty cổ phần V phải trả cho Công ty cổ phần T là: 1.736.400.000 đồng + 200.000.000 đồng = 1.936.400.000 đồng (một tỉ chín trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Đồng thời buộc bị đơn tiếp tục phải chịu phần lãi cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc cho nguyên đơn.

Đối với ý kiến của bị đơn về việc bảo hành của nguyên đơn: bị đơn chỉ nêu ra và không có tài liệu chứng cứ nào khác để bổ sung cho vấn đề này. Hơn nữa bị đơn cũng khẳng định việc bảo hành và công nợ giữa hai công ty không liên quan đến nhau nên Hội đồng xét xử không xét.

*\* Về án phí và quyền kháng cáo:* Công ty cổ phần V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 35, Điều 39, 147, 177, 220, khoản 2 các điều 227, 235, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại.

Căn cứ khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

#### ***Xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần T đối với Công ty cổ phần V.

2. Buộc Công ty cổ phần V có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần T số tiền còn nợ tính đến ngày 15.06.2022 phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 366/2017/HĐKT ngày 27.05.2017 số tiền là 1.936.400.000 đồng (Một tỉ chín trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) bao gồm 1.736.400.000 đồng (Một tỉ bảy trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) và 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày 16.06.2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.



3. Về án phí:

Công ty cổ phần V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: **70.092.000 đồng (bảy mươi triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng).**

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần T số tiền tạm ứng án phí **33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng)** đã nộp tại biên lai số 0009534 ngày 07.12.2021 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- Đương sự
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Diệp Linh**